FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	13,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.2%	4.8%	-9.1%

DT thuần

2024

50.7 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 1.30
▲ 2.7%

LN gộp

2024

29.4 *tỷ VNĐ*

LN thuần

2024

18.6 *tỷ VNĐ*

YoY
▼ 2.30
▼ 11.0%

LN sau thuế

2024

14.8 *tỷ VNĐ*

YoY
▼ 2.10
▼ 12.3%

ROE

2024

14.9%

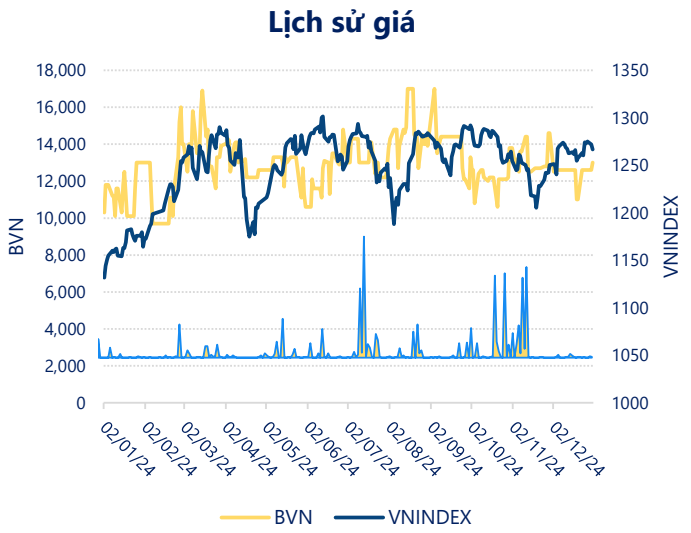
+/- YoY
▼ 5.3%

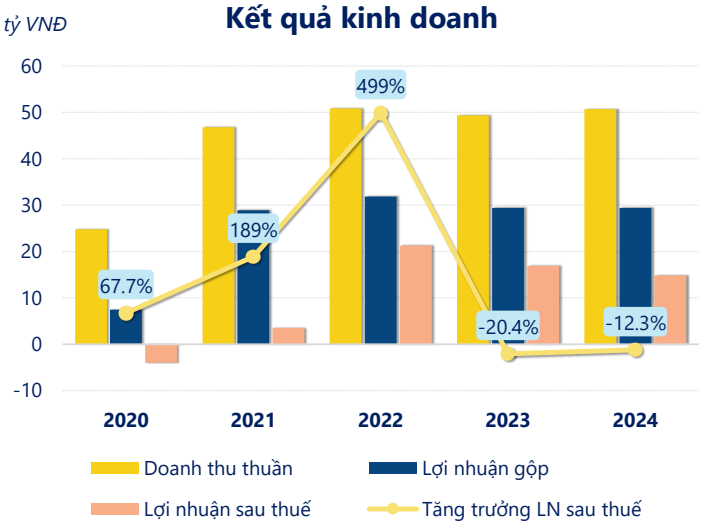
ROA

2024

12.8%

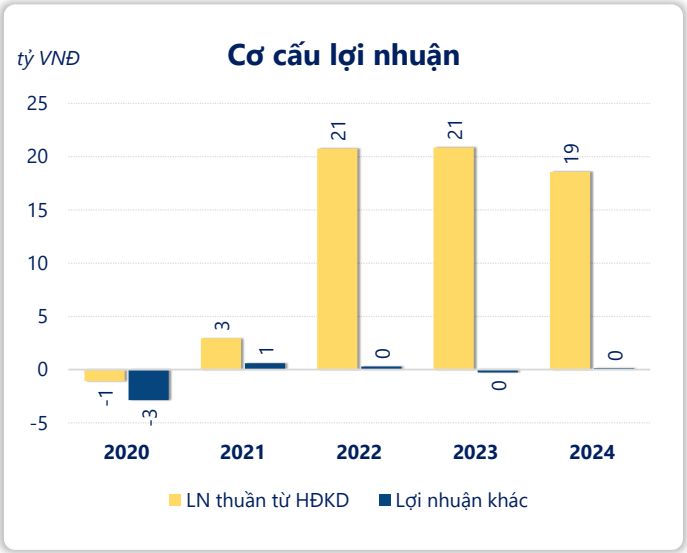
+/- YoY
▼ 2.4%

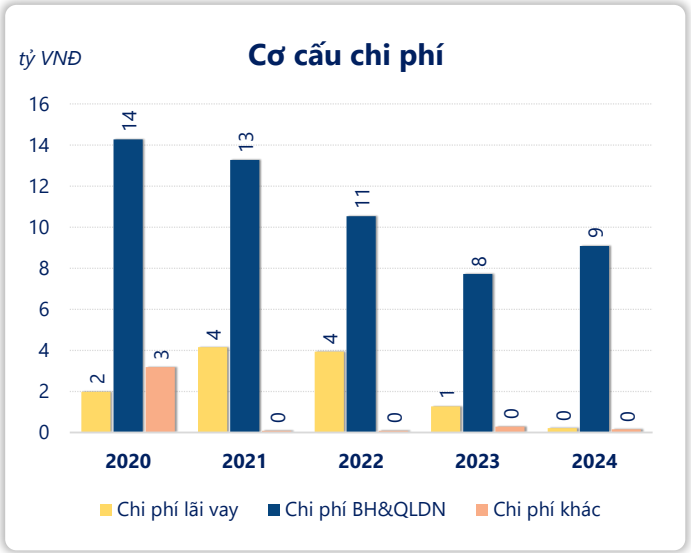




Kết quả kinh doanh **BVN** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **50.73** tỷ đồng **tăng 2.74%**, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 12.3%** chỉ còn **14.83** tỷ đồng.

Mặc dù doanh thu thuần tăng nhưng lợi nhuận sau thuế giảm, có thể do sự gia tăng của chi phí hoạt động hoặc giá vốn. Tuy nhiên, với **ROE** là **14.9%** thì công ty vẫn có mức sinh lợi ổn định và đảm bảo hiệu quả hoạt động.

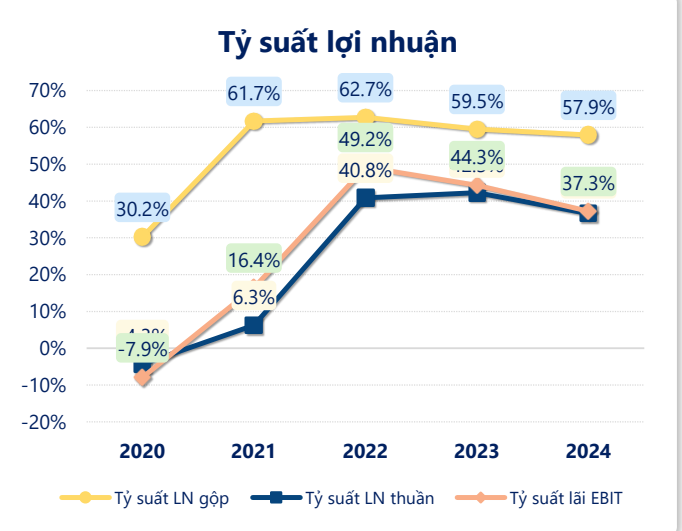


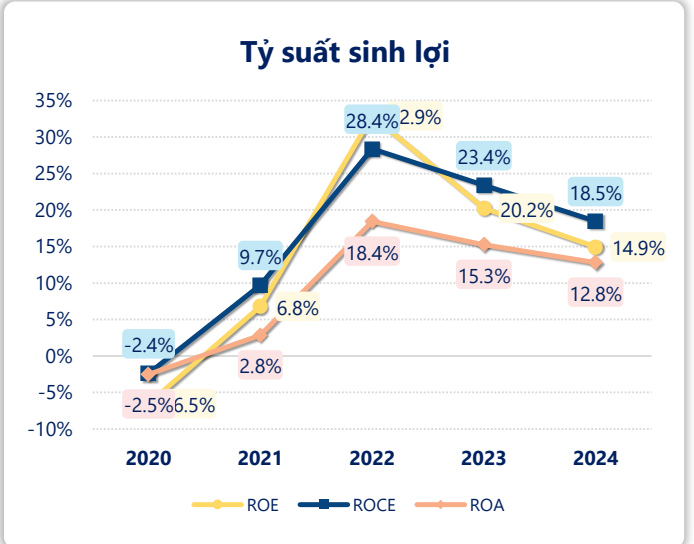


Năm **2024**, **BVN** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **18.56** tỷ đồng, **giảm đi 2.30** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (12.41 tỷ đồng) là 6.15 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

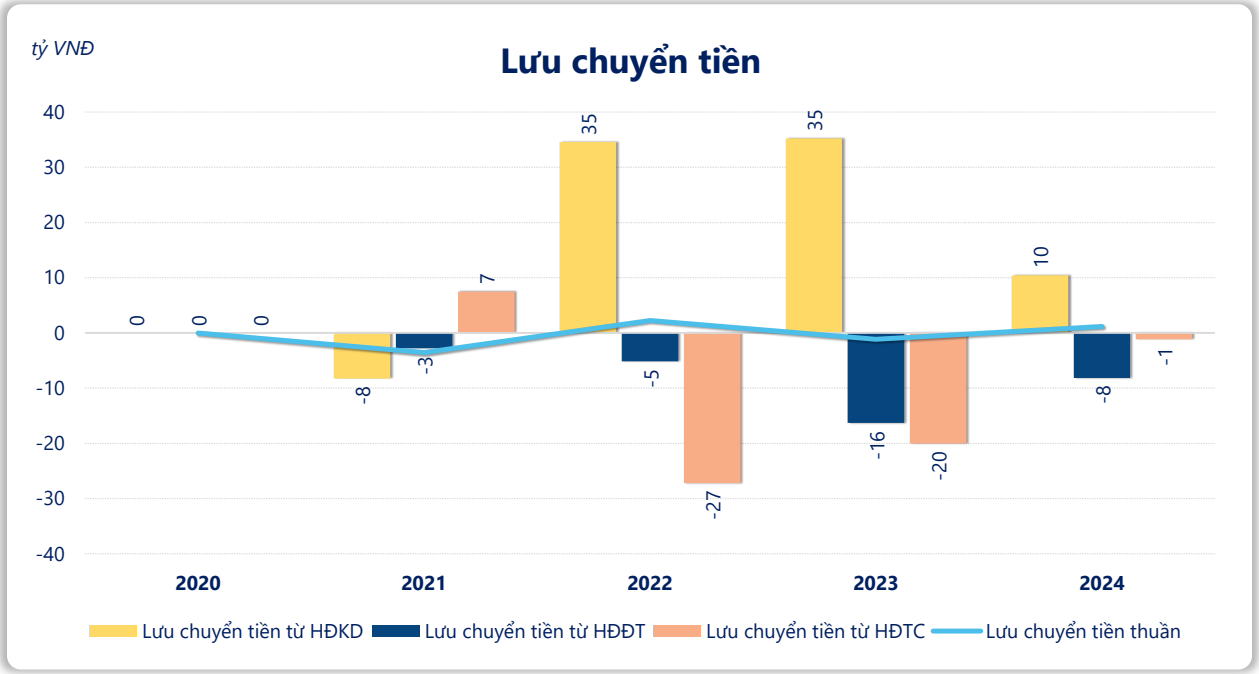
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **0.21** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **9.09** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.15** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của BVN năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **14.9%**, tuy nhiên vẫn **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**24.8**	**46.8**	**50.8**	**49.4**	**50.7**
Giá vốn hàng bán	17.3	17.9	19.0	20.0	21.3
Lợi nhuận gộp	**7.50**	**28.9**	**31.9**	**29.4**	**29.4**
Doanh thu HĐTC	5.37	1.57	3.39	0.46	1.88
Chi phí TC	-0.33	14.2	3.97	1.28	3.62
Chi phí lãi vay	**1.98**	**4.15**	**3.94**	**1.27**	**0.21**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.65	0.52	0.09	0.08	0.28
Chi phí QLDN	13.6	12.7	10.4	7.63	8.81
LN thuần từ HĐKD	**-1.07**	**2.94**	**20.8**	**20.9**	**18.6**
Lợi nhuận khác	-2.88	0.61	0.29	-0.27	0.12
LN trước thuế	**-3.95**	**3.55**	**21.1**	**20.6**	**18.7**
Lợi nhuận sau thuế	**-3.98**	**3.55**	**21.3**	**16.9**	**14.8**
LNST của CĐ cty mẹ	**-3.98**	**3.55**	**21.3**	**16.9**	**14.8**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của BVN bằng **1.14** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-1.13 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **10.46** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-8.15** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-1.17** tỷ đồng.